

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/DS-ST

Ngày: 06 – 09 – 2024

V/v “Tranh chấp nợ hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Cao Thị Lệ Pha

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965

HKTT: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Nơi ở hiện nay: Ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Ông Phạm Vũ Nhật T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Phạm Vũ Nhật T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày: Bà Ngô Thị C có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Vũ Nhật T làm chủ hui cụ thể như sau:

- Dây hui mở ngày 10/10/2019, là dây hui 500.000 đồng, bà C tham gia 04 chung hui; Bà C đã đóng hui được 42 kỳ. mỗi tháng đóng hui 02 lần.

- Dây hui mở ngày 20/4/2020 là dây hui 1.000.000 đồng, bà C tham gia 03 chung hui. Bà C đã đóng hui được 15 kỳ. Tuy nhiên khi bế hui thì bà P đã trả bà C được 01 chung hui là 10.000.00 đồng nên bà P còn nợ lại 02 chung hui của dây hui 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền đóng hội được là bao nhiêu thì bà không nhớ, do thời điểm đóng tiền hội thì không có ghi lại số tiền hội đã đóng. Mỗi lần bà P thông báo số tiền hội phải đóng thì bà C đóng tiền hội chứ không có ghi và sổ là đóng số tiền bao nhiêu. Khi đóng hội thì bà C đóng hội trực tiếp cho ông T và bà P.

Đến năm 2021 thì bà P, ông T tuyên bố bế hội. Đối với hai dây hội của bà C tham gia chơi hội như sau:

- Dây hội 500.000 đồng x 42 kỳ x 4 chung = 84.000.000 đồng.
- Dây hội 1.000.000 đồng x 15 kỳ x 2 chung = 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà P và ông T còn nợ lại bà Ngô Thị C là 114.000.000 đồng. Bà C yêu cầu bà P, ông T trả số tiền hội 114.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà có làm chủ hội, bà Ngô Thị C có tham gia chơi 02 dây hội như sau:

- Dây hội 500.000 đồng, mở năm 2019, bà C tham gia 04 chung hội. Bà C đã đóng hội được 42 kỳ được số tiền 11.665.000 đồng/chung hội. Bà C chưa hốt hội.

- Dây hội 1.000.000 đồng mở năm 2020, bà C tham gia 03 chung hội, bà C đã đóng được 15 kỳ, mỗi chung hội đóng được 9.100.000 đồng. Bà C chưa hốt hội.

Sau đó bà tuyên bố bế hội thì bà có nói với bà C cho bà trả tiền vốn đã đóng hội và bà C đã đồng ý.

Tổng số tiền hai dây hội mà bà còn nợ lại bà C là 73.600.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P xác định đã trả cho bà C 10.000.000 đồng là 01 chung hội của dây hội 1.000.000 đồng, còn nợ lại tiền 02 chung hội: 9.100.000 đồng x 2 chung = 18.200.000 đồng. Đối với dây hội 500.000 đồng thì trước đây bà có thừa nhận còn nợ 84.000.000 đồng nhưng bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền hội mà bà C đã đóng là 46.660.000 đồng.

Nay bà Ngô Thị C khởi kiện yêu cầu bà và ông T trả số tiền 114.000.000 đồng thì bà có ý kiến như sau: Bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền hội của dây hội 1.000.000 đồng là 9.100.000 đồng/chung; Dây hội 500.000 đồng bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền 46.660.000 đồng. Ông T là chồng bà, ông T có biết việc bà làm chủ hội và ông T có đi gom tiền hội cho bà nhưng ông T không biết cụ thể các dây hội và có hội viên tham gia chơi hội.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Vũ Nhật T trình bày: Bà Nguyễn Thị P là vợ ông. Việc bà P làm chủ hội thì ông có biết nhưng việc bà P chơi hội cùng với ai, kêu hội như thế nào thì ông không biết. Do đó ông không đồng ý trả tiền như bà Ngô Thị C như yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C đối với việc tranh chấp tiền hội với ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P số tiền 102.200.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C đối với số tiền hội 11.800.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Ngô Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp nợ hội đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Vũ Nhật T cư trú tại ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

[2]. Về nội dung: Bà Ngô Thị C và bà Nguyễn Thị P cùng thống nhất bà C có tham gia chơi hội như sau:

- Dây hội mở ngày 10/10/2019, là dây hội 500.000 đồng, bà C tham gia 04 chung hội; Bà C đã đóng hội được 42 kỳ.

- Dây hội mở ngày 20/4/2020 là dây hội 1.000.000 đồng, bà C tham gia 03 chung hội. Bà C đã đóng hội được 15 kỳ. Dây hội này bà P đã trả được 01 chung hội, bà P còn nợ lại 02 chung hội.

Đến khoảng giữa năm 2021 thì bà P tuyên bố bẻ hội.

Việc tham gia chơi hội giữa bà C và bà P là tự nguyện, giao dịch hội giữa các đương sự là có thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C yêu cầu ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả số tiền hội là 114.000.000 đồng. Bà P1 đồng ý trả cho bà C số tiền 63.600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 26/3/2024 (trong vụ án dân sự thụ lý số 361/2023/TLST – DS ngày 19/12/2023) bà Nguyễn Thị P trình bày: bà và ông T làm chủ hội và bà Ngô Thị C tham gia chơi dây hội mở ngày 10/10/2019 dây hội 500.000 đồng. bà C đã đóng hội sống được 42 kỳ. Đến kỳ 43 thì bà tuyên bố bẻ hội. Trong dây hội này thì bà còn nợ bà Ngô Thị C số tiền hội chết là 84.000.000 đồng. Bà đồng ý trả hội chết cho bà C. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin được trả số tiền mà bà C đóng thực tế tổng cộng 42 kỳ là 11.665.000 đồng.

Đây là sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị P là chứng cứ không cần phải chứng minh nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị P xác định bà Ngô Thị C đồng ý cho bà trả tiền hội thực tế đã đóng nhưng bà P không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày này. Đồng thời tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2024 bà Ngô Thị C trình bày: “Khi bà P tuyên bố bẻ hội thì giữa tôi và bà P chưa cộng sổ hội lại với nhau. Đồng thời không có việc bà P đến gặp tôi để nói về việc sẽ trả sổ hội gốc mà tôi đã đóng”. Do đó không có căn cứ chấp nhận.

Đối với dây hội mở ngày 20/4/2020 là dây hội 1.000.000 đồng, bà C tham gia 03 chung hội. Bà C và bà P đều xác nhận bà C đóng tiền hội sống cho bà P được 15 lần thì bẻ hội (úp hội) và ngưng hội từ kỳ thứ 16. Bà Ngô Thị C và bà Nguyễn Thị P cùng thống nhất bà P đã trả 10.000.000 đồng là 01 chung hội và bà P còn nợ lại 02 chung hội. Bà C không xác định đã đóng được số tiền là bao nhiêu. Bà P xác định bà C đóng cho bà P là $9.100.000 \text{ đồng/chung hội} \times 2 \text{ chung} = 18.200.000 \text{ đồng}$. Sự thừa nhận của bà P là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó, có cơ sở chấp nhận số tiền hội bà C thực đóng cho bà P 15 lần là 18.200.000 đồng.

Do bà Ngô Thị C không yêu cầu tính tiền lãi nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy tổng số tiền còn nợ bà Ngô Thị C của hai dây hội là $84.000.000 \text{ đồng} + 18.200.000 \text{ đồng} = 102.200.000 \text{ đồng}$.

Xét việc bà Ngô Thị C yêu cầu bà P và ông T cùng có trách nhiệm trả nợ, bà P, ông T xác định ông T không biết gì về việc mở hội. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà P mở hội làm chủ hội, việc mở hội tại nhà, bản thân ông T cũng biết việc bà P làm chủ hội và ông T có đi gom tiền hội cho bà P, đồng thời khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T bà P nên buộc ông T liên đới cùng bà P trả số nợ trên là có căn cứ và phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C, buộc bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Vũ Nhật T trả số tiền 102.200.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C đối với số tiền 11.800.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị C phải nộp án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 590.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Vũ Nhật T phải chịu án phí số tiền 5.110.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biên, phường;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C đối với bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Vũ Nhật T

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Vũ Nhật T giao trả cho bà Ngô Thị C số tiền tổng số tiền 102.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự .

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C đối với số tiền 11.800.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Vũ Nhật T phải chịu án phí số tiền 5.110.000 đồng.

Bà Ngô Thị C phải nộp án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 590.000 đồng. Bà Ngô Thị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.850.000 đồng theo biên lai thu số 0010159 ngày 10/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, Khấu trừ án phí phải nộp bà C được hoàn lại số tiền 2.260.000 đồng.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Đông Hải;*
- *Cơ quan THA huyện Đông Hải;*
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *Lưu: HS;VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Ghét